



TÌM HIỂU CHÍNH TRỊ THẾ GIỚI THẾ KỈ 21

Nguồn: Charles W. Kegley, JR. & Gregory A. Raymond, *The Global Future: A Brief Introduction to World Politics* (Chapter 1), (Boston, MA: Wadsworth, 2010)

Biên dịch: Phạm Trang Nhung | **Hiệu đính:** Lê Hồng Hiệp

Cấu trúc chương

Sự tiếp nối và thay đổi trong chính trị thế giới

Quan niệm ảnh hưởng đến hình ảnh về thực tiễn như thế nào

Bản chất và nguồn gốc các hình ảnh

TRANH LUẬN: Chúng ta có nên tin vào cái gì chúng ta nhìn thấy? Tổ chức Quan sát và Dự đoán Thực tiễn Toàn cầu

Vai trò của hình ảnh trong chính trị thế giới

ÁP DỤNG: nhìn nhận thế giới bằng con mắt bên ngoài

Một khuôn khổ để tìm hiểu chính trị thế giới

Các cấp độ phân tích

Trục thời gian

Áp dụng khuôn khổ vào việc tìm hiểu sự kết thúc Chiến tranh Lạnh

Đôi mắt với tương lai

Thách thức về mặt điều tra

Cấu trúc của cuốn sách

Ngày nay có nhiều thứ chỉ ra rằng chúng ta đang trải qua một giai đoạn chuyển đổi, khi mà có vẻ như một số thứ đang trên đà biến mất và thứ khác đang được sinh ra trong đau đớn. Chuyện đó như thể cái gì đó đang tự nó vỡ vụn, suy tàn và kiệt quệ, trong khi có những thứ khác, vẫn còn chưa tồn tại, đang nổi lên từ đống đổ nát.

Vaclav Havel - Nhà viết kịch và cựu tổng thống Cộng hòa Séc

Khi người ta sử dụng thuật ngữ “quan hệ quốc tế”, người ta thường nói tới các mối tương tác giữa các **quốc gia**¹ có lãnh thổ và tự chủ mà không có quyền lực nào cao hơn để điều chỉnh hành vi của chúng. Những ghi nhận sớm nhất về các nhà nước như vậy là ở vùng Lưỡng Hà cổ đại, nơi có khoảng hơn hai chục thành bang (city-state) nảy nở trên vùng đồng bằng châu thổ giữa sông Tigris và sông Euphrates. Các nhà khảo cổ học tin rằng văn minh đã khởi nguồn từ Sumeria, rìa phía nam của khu vực này, nơi tiếp giáp với đường bờ biển của cái mà ngày nay chúng ta gọi là Vịnh Ba Tư (Vịnh Pec-xích). Ở đây người ta đã tìm thấy bằng chứng về bánh xe và lưỡi cày đầu tiên, việc sử dụng rộng rãi chữ viết và thuật luyện kim, những đạo luật và hợp đồng kinh doanh đầu tiên, cũng như việc sản xuất bia lần đầu, mà trong đó có đến 19 loại khác nhau (Fields, Barber, and Riggs 1998; Durant 1954).

Vào khoảng năm 2500 trước Công nguyên, một thành bang điển hình ở Sumeria đã có hàng ngàn cư dân, mà phần lớn sống trong những bức tường cao làm bằng gạch và bùn. Cần thiết phải phòng thủ vì địa hình bằng phẳng của vùng phía nam Lưỡng Hà làm cho các thành bang dễ bị tấn công, và xung đột thường xuyên về vấn đề quyền sử dụng nước, các bãi chăn thả gia súc, và các tuyến đường thương mại làm cho chiến tranh trở thành một mối đe dọa thường trực. Các quân đội người Sumeria gồm bộ binh trang bị cung tên và xe kéo 4 bánh. Binh lính đội mũ bằng đồng và áo giáp thô sơ, mang khiên hình chữ nhật lớn và có trang bị giáo, kiếm, và rìu (Keegan 1993). Chiến đấu thường ở cự li gần. Người chiến thắng trong những cuộc chiến tàn khốc này nô dịch bên thua cuộc, cướp bóc đất đai và biến dân cư ở đó thành nô lệ.

Cuộc xung đột giữa các thành bang Lagash và Umma là một ví dụ điển hình cho tính chất khốc liệt của chiến tranh ở Sumeria. Sau hàng thế hệ thù hằn gián đoạn, một đội quân do vua Lugal-Zaggisi của Umma dẫn đầu cuối cùng đã áp đảo Lagash (khoảng năm 2350 trước Công nguyên). Ông ta cướp bóc thành phố, tàn sát người dân, và trong một động thái mang tính xúc phạm, đã trói những bức tượng các thần linh của họ lại. Trong một tác phẩm văn chương vào loại cổ xưa nhất của loài người, nhà thơ Dingiraddamu đã than khóc cho nữ thần bảo trợ của Lagash: “Ôi nữ thần của thành phố tôi, bị tàn phá, khi nào Người mới quay trở lại?”

Chiến tranh tiếp tục tàn phá vùng Lưỡng Hà rất lâu sau cuộc xung đột bi thảm giữa Lagash và Umma. Trong suốt một thiên niên kỉ, nhiều quân đội đã tiến vào vùng này. Khi nhìn nhận qua lăng kính lịch sử, chiến dịch quân sự do Mỹ dẫn

¹ Quốc gia (state): một thực thể chính trị có tổ chức với dân số thường trực, một lãnh thổ xác định, và một chính quyền.

đầu trong mùa xuân năm 2003 chống lại lãnh đạo Iraq Saddam Hussein đơn thuần chỉ là cuộc chiến gần đây nhất bùng phát ở vùng đất cổ xưa này. Nhưng nó là một cuộc chiến khác với các cuộc chiến khác. Được xem là cuộc chiến tranh kỹ thuật số đầu tiên trên thế giới, nó sử dụng các hình thức liên lạc qua mạng để tập hợp các dữ liệu từ nhiều nguồn nhằm phối hợp các cuộc không kích chính xác với các cuộc tấn công trên đất liền. Không giống sự hỗn loạn bao phủ các chiến trường cổ đại, các chỉ huy người Mỹ cách chiến trường hàng trăm dặm có thể kiểm soát các diễn biến khi chúng xảy ra. Trong khi quân thám báo truyền tải những báo cáo không đều đặn về phòng thủ của đối phương tới Lugal-Zaggisi, thì máy bay không người lái Predator, máy bay có Hệ thống Kiểm soát và Cảnh báo trên không (AWACS), và các đơn vị đặc nhiệm được đổ bộ vào đằng sau chiến tuyến của kẻ thù bởi máy bay trực thăng mang lại cho Tướng Tommy Franks một chuỗi tin tình báo liên tục. Trong khi các chiến binh Sumeria ném vào trận một loạt tên và lao trước khi tiếp cận kẻ thù, thì các binh sĩ Mỹ sẽ kì vọng một đợt bắn yểm hộ có tính tàn phá của tên lửa hành trình, máy bay chiến đấu tàng hình, và các máy bay ném bom hạng nặng để bắt đầu một chiến dịch. Nói ngắn gọn, tốc độ và sự linh hoạt giờ đây đã thay thế cho số đông; thông tin và hỏa lực thay thế cho những con số đơn thuần.

Xung đột quân sự giữa Lagash và Umma cách chúng ta hơn 4 thiên niên kỉ. Chúng ta có thể học được gì về chính trị thế giới đương đại thông qua việc so sánh chiến tranh ở Lưỡng Hà cổ đại và Iraq hiện đại? Khá đơn giản, nó nhắc nhở chúng ta rằng **chính trị**² giữa các quốc gia là một hỗn hợp của sự *tiếp nối* và *thay đổi*. Một mặt, các quốc gia tồn tại dưới cái mà nhà khoa học chính trị Kenneth Waltz (1979) gọi là “bóng ma ám ảnh của bạo lực” từ thời xa xưa. Mặt khác, cách mà các lực lượng vũ trang sử dụng bạo lực đã thay đổi đáng kể. Trong một thời đại của các tiến bộ nhanh chóng về khoa học và kĩ thuật, chúng ta dễ tập trung vào những cách tân mới nhất mà chối bỏ quá khứ, coi như chẳng liên quan. Thay đổi là cái gì đó rất cuốn hút; nó thu hút sự chú ý của chúng ta và khuyến khích trí tưởng tượng của chúng ta. Tuy nhiên, chúng ta phải nhớ rằng một số đặc điểm của chính trị thế giới tồn tại tương đối lâu dài. Khi nhìn nhận chính trị thế giới có thể ảnh hưởng tới tương lai toàn cầu như thế nào, chúng ta cần phải chú ý nhiều tới sự tiếp nối lâu dài này cũng như nguồn gốc của các thay đổi lớn lao. Nếu như tương lai có vẻ không chắc chắn đối với chúng ta, là một nơi bí ẩn với vô vàn những bất ngờ, thì thường là bởi chúng ta đã không chú ý tới việc bao nhiêu thứ nằm ở phía trước sẽ

² Chính trị (politics): việc thực thi ảnh hưởng của các cá nhân và nhóm cạnh tranh nhau để ảnh hưởng đến việc phân bổ các giá trị và sự phân chia các nguồn lực; theo lời nhà khoa học chính trị Harold Lasswell, thì đó là quá trình xác định “ai được cái gì, khi nào, như thế nào và tại sao.”

trở thành cái mà nhà lịch sử kinh tế Robert Heilbroner (1960, 15) gọi là “hệ lụy kết tinh được kì vọng từ quá khứ” và “cái rìa kéo dài của hiện tại”.



Chiến tranh trong lịch sử loài người: “Câu chuyện về loài người là chiến tranh”, Thủ tướng Anh Winston Churchill đã từng cảm thán như vậy. Như đã được thể hiện trong hình vẽ mô tả một xe kéo chiến tranh của người Sumeria cổ và bức ảnh một chiếc xe tăng Abrams M1-A1 của Mỹ thời hiện đại, mặc dù chiến tranh là một đặc điểm cố hữu trong quan hệ quốc tế, các phương thức được sử dụng đã thay đổi theo thời gian. Những tiến bộ nhanh chóng trong công nghệ quân sự trong một thế kỉ rưỡi qua đã làm cho các lực lượng vũ trang càng dễ gây chết người hơn bao giờ hết. Ví dụ, chỉ một máy bay ném bom B-52 của Mỹ thôi đã có thể mang lượng thuốc nổ mạnh hơn cả phần được sử dụng trong những cuộc chiến tranh đã được ghi nhận trước đó trong lịch sử.

Rất khó để nhìn xa hơn những giới hạn của thời kì chúng ta đang sống. Nó đòi hỏi phải thừa nhận ảnh hưởng của những sự kiện ngày hôm qua đến thực tiễn của ngày hôm nay và cách mà các ý tưởng và hành động hiện tại có thể định hình tương lai. Như nhà triết học và toán học Gottfried Wilhelm Leibniz đã từng nói, “Hiện tại quan trọng với tương lai, tương lai có thể được nhìn nhận thông qua quá khứ.” Do đó, để hiểu được những sự kiện đang diễn ra và dự đoán chúng có thể ảnh hưởng tới tương lai ra sao, chúng ta sẽ nhìn nhận chúng trong bối cảnh của một quan điểm dài hạn, qua đó xem xét cách một vài khía cạnh của **hệ thống**³ chính trị quốc tế - hay hình mẫu tương tác giữa các chủ thể chính trị thế giới – đã kháng cự lại sự thay đổi ra sao, trong khi các khía cạnh khác lại thay đổi rất nhiều như thế nào.

³ Hệ thống (system): một chuỗi các bộ phận có liên hệ với nhau vận hành như một tổng thể thống nhất. Trong chính trị thế giới, các bộ phận chủ yếu gồm các quốc gia, các công ty và các tổ chức khác vốn tương tác lẫn nhau trên đấu trường toàn cầu.

Sự tiếp nối và thay đổi trong chính trị thế giới

Hãy tưởng tượng bản thân bạn trở về nhà sau chuyến đi nghỉ 2 tuần tới một hòn đảo vùng nhiệt đới ở nơi bạn không thể tiếp cận với tin tức. Chuyến đi đã đem lại cho bạn một kì nghỉ đáng giá, thoát khỏi trường học và cho phép bạn xả hơi với một vài người bạn vào cuối học kì. Nhưng nay bạn đang tò mò xem chuyện gì đã xảy ra trong khi bạn đi vắng. Khi bạn liếc vào một tờ báo mà ai đó đang đọc ở khu nhận hành lý kí gửi tại sân bay, các tiêu đề đập vào mắt bạn. Chúng chỉ ra rằng quân nổi dậy ở Iraq đã lấy đi mạng sống của nhiều binh sĩ Mỹ, bao gồm cả một người vừa tốt nghiệp một trường trung học địa phương. Trong khi trở về nhà từ sân bay, bạn nghe một chương trình radio về việc nhu cầu dầu mỏ nước ngoài của Mỹ tăng lên và sự bất ổn chính trị ở Nigeria và nhiều nước sản xuất dầu mỏ chính yếu khác. Nhìn qua vào các biển báo trạm dịch vụ dọc đường cao tốc bạn nhận ra giá xăng đã tăng đáng kể, làm cho việc đi lại hằng ngày tới nơi làm thêm của bạn đắt đỏ hơn. Ngay sau khi về nhà, bạn kết nối mạng và thấy rằng giá của đồng euro đã tăng tương đối so với giá đô la Mỹ, và bạn bắt đầu lo lắng về chi phí cho khóa du học mà bạn dự định thực hiện ở châu Âu vào kì sau. Cuối cùng, trong khi nghe tin tức trên tivi vào tối muộn ngày hôm đó, bạn nghe được nhiều báo cáo khác: các quan chức địa phương trên cả nước đã bắt đầu phàn nàn rằng ngân sách đảm bảo an ninh nội địa của liên bang đang được gấn quá chặt với việc chống lại các cuộc tấn công có thể xảy ra của Al Qaeda đến mức đã bỏ qua một vài nguy cơ nghiêm trọng khác; do nhu cầu ngày càng tăng ở Trung Quốc và Ấn Độ, các chương trình nhiên liệu sinh học đang phát triển ở châu Âu và Bắc Mỹ, và hạn ngạch xuất khẩu của các nhà sản xuất chính, nên giá ngũ cốc đã tăng trên khắp thế giới, dẫn đến việc Ngân hàng Thế giới dự tính rằng 33 nước đang có nguy cơ nội chiến vì thiếu lương thực; và, liên quan đến sự bất ổn của thị trường tín dụng toàn cầu, nhiều ngân hàng chủ chốt ở Mỹ đã cho biết rằng họ sẽ tạm thời dừng cho vay đối với học sinh nhập học các trường cao đẳng cộng đồng và nhiều trường nhỏ khác.

Mặc dù chúng ta có văn chương hóa nó một chút, bối cảnh vừa được mô tả không phải là giả định hoàn toàn; nó xuất phát từ rất nhiều sự kiện đã thực sự diễn ra vào tháng 5 năm 2008. Khi nghĩ về cái tháng khá đặc thù này, người ta không thể không bị nhắc nhở rằng chúng ta đều bị ảnh hưởng bởi những sự kiện diễn ra ở xa xôi và rằng tất cả chúng ta đều có lợi khi có thể nắm bắt tốt hơn nguyên nhân và kết quả của chúng. Nhưng làm sao chúng ta có thể hiểu rõ nhất những biến động mà 6,7 tỉ người trên thế giới phải đối mặt hằng ngày? Liệu những cú sốc thi thoảng lại bùng phát trên khắp thế giới có mở đường cho một trật tự thế giới hoàn toàn mới của thế kỉ 21 không? Hay liệu rất nhiều những rối loạn khủng khiếp ngày

nay thực sự chỉ là nhất thời, chỉ là những đường tăng bất thường trên bản vẽ địa chấn của lịch sử?

Vào lúc khởi đầu của một thế kỉ mới, người ta thường suy xét về tương lai toàn cầu. Thế giới mới sẽ như thế nào? Liệu nhân loại có tốt hơn trong những năm sắp tới không? Hay sẽ phải chịu đựng nhiều hơn? Chúng tôi mời bạn khám phá những câu hỏi này với chúng tôi. Để bắt đầu cuộc tìm kiếm câu trả lời của chúng ta, hãy kiểm nghiệm xem sự khác nhau giữa tiếp nối và thay đổi trong lịch sử thế giới có thể giúp gì cho chúng ta trong việc định hướng các nỗ lực của mình.

Ở một mức độ nào đó, mỗi giai đoạn lịch sử được đánh dấu bởi sự thay đổi. Tuy nhiên hiện nay tốc độ thay đổi có vẻ nhanh hơn và tác động của nó có vẻ sâu rộng hơn bao giờ hết. Đối với nhiều người quan sát, dòng thác sự kiện ở đầu thế kỉ 21 ám chỉ một sự tái cấu trúc mang tính cách mạng của chính trị thế giới. Nhiều xu hướng mang tính *hợp nhất* cho thấy đó là điều khả thi. Các quốc gia trên thế giới đang tiến lại gần nhau trong truyền thông và thương mại, sản sinh ra một thị trường toàn cầu hóa. Nhưng đồng thời, các xu hướng *phân rã* lại vẽ nên một bức tranh kém tươi sáng hơn. Sự phổ biến vũ khí, suy giảm môi trường toàn cầu, và sự hồi sinh của xung đột sắc tộc đều báo trước một nỗi lo lắng về tái cấu trúc đi cùng với sự mất trật tự. Để dự đoán lực lượng nào sẽ chiếm ưu thế trong tương lai, chúng ta phải nhận ra rằng không có xu hướng nào đứng riêng lẻ. Tương lai bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, mỗi yếu tố lại gắn kết với những yếu tố khác trong một mạng lưới liên kết phức tạp. Nhìn chung, những xu hướng này có thể tạo ra sự ổn định bằng cách giới hạn các ảnh hưởng của bất cứ lực lượng phá hoại đơn lẻ nào. Chúng cũng có khả năng tăng tốc độ thay đổi, đẩy chính trị thế giới đi theo những hướng nhất định.

Như Vaclav Havel đã gợi ý trong phần mở đầu của chương này, chúng ta dường như đang đi qua một giai đoạn chuyển tiếp trong chính trị thế giới. Các lực lượng đối lập của sự hợp nhất và phân rã hướng tới sự biến đổi, nhưng hệ quả trong dài hạn của nó vẫn còn chưa rõ ràng. Thời khắc chuyển đổi từ một hệ thống này sang một hệ thống khác không rõ ràng ngay lập tức. Tuy nhiên, có những thời điểm nhất định đặc biệt có khả năng diễn ra sự chuyển đổi này. Các điểm xoay chuyển chính trong chính trị thế giới thường xảy ra vào cuối các cuộc chiến tranh lớn, thường phá hủy hay đập tan những dàn xếp quốc tế tồn tại trước đó. Trong thế kỉ 20, Chiến tranh thế giới lần thứ nhất và thứ hai và Chiến tranh Lạnh đã tạo ra những tách biệt căn bản khỏi quá khứ và khởi động những chuyển biến lớn, mang lại cho các quốc gia sự cần thiết phải suy nghĩ lại những tiền đề nằm sau những lợi ích, mục đích và ưu tiên của họ. Cũng tương tự, nhiều người kết luận

rằng cuộc tấn công khủng bố ngày 11 tháng 9 năm 2001 tạo ra một sự chuyển đổi về căn bản trong quan hệ quốc tế. Thực tế, vụ 11/9 có vẻ đã thay đổi mọi thứ: Theo lời Tổng thống Mỹ George W. Bush, “Màn đêm buông xuống một thế giới khác.”



Liệu vụ 11 tháng 9 năm 2001 có phải là một sự kiện có tính thay đổi đối với Chính trị thế giới không? Cuộc tấn công khủng bố vào tòa tháp đôi của Trung tâm Thương mại Thế giới ngày 11/9 được nhiều người nhìn nhận như là một sự kiện có tính bước ngoặt trong lịch sử thế giới. Ví dụ, nhà báo Anne Applebaum (2005, 14) đã nhận định rằng “qua một các liên minh của Mỹ đã thay đổi, mục tiêu của quân đội Mỹ đã thay đổi, và các ưu tiên ngoại giao của Mỹ đã thay đổi.” Các nhà quan sát khác, tranh luận rằng cuộc tấn công không ảnh hưởng đến các quốc gia khác ở cùng cấp độ như vậy, nhận định rằng vụ 11/9 không phải là một sự kiện thực sự thay đổi thế giới.

Bất chấp mọi thứ có vẻ đã khác rất nhiều kể từ vụ tấn công khủng bố ngày 11/9, nhiều thứ vẫn giữ nguyên trong chính trị thế giới. Như William Dobson (2006, 23), thư ký tòa soạn của tạp chí *Foreign Affairs*, đã nói: “Điều đáng nói là thế giới đã thay đổi rất ít.” “Các lực lượng lớn của thương mại quốc tế và toàn cầu hóa gần như không bị ảnh hưởng bởi cuộc tấn công,” nhà sử học Juan Cole bổ sung (2006, 26). “Sự trỗi dậy của Trung Quốc với tư cách là một người khổng lồ về kinh tế vẫn tiếp diễn, với nhiều hệ lụy về kinh tế, ngoại giao, và quân sự.” Các điểm nóng kéo dài hàng thập kỷ vẫn tồn tại, bao gồm cả xung đột giữa Ấn Độ và Pakistan, Bắc Triều Tiên và Mỹ, Israel và các du kích ở Nam Li-băng cũng như lãnh thổ Palestine. Cole kết luận “Với tất cả thực tiễn đã diễn ra, vụ tấn công 11/9 đã không đụng chạm đến nhiều lực lượng nền tảng và những căng thẳng dai dẳng định hình nên chính trị quốc tế.”

Chúng ta thường kì vọng các sự kiện kịch tính thay đổi cuộc đời của chúng ta mãi mãi và sau đó ngạc nhiên khi phát hiện ra rằng có những phần nhất định từ

trong quá khứ lại tái xuất hiện. Do những thay đổi bất chợt diễn ra trên thế giới song song với những tiếp nối lâu dài, đây là những khoảng thời gian không chắc chắn. Bởi vì một vài khía cạnh trong tương lai có khả năng sẽ lặp lại quá khứ, việc khẳng định rằng một sự chuyển đổi lớn trong chính trị thế giới đang diễn ra đòi hỏi chúng ta phải xác định xem cái gì tạo nên một trật tự thế giới mới.

Làm sao chúng ta có thể xác định khi nào thì một hình mẫu quan hệ đang tồn tại nhường chỗ cho một hệ thống quốc tế hoàn toàn mới? Sử dụng quan điểm của nhiều học giả đã vật lộn với những tiêu chuẩn để xác định sự thay đổi hệ thống (Hoffmann 1961; Burns 1968; Gilpin 1981; Rosenau 1990), chúng tôi sẽ tiếp tục bằng cách mặc định rằng chúng ta có một hệ thống quốc tế mới khi chúng ta có một câu trả lời mới cho một trong ba câu hỏi sau: (1) *Các đơn vị cơ bản trong hệ thống là gì?* (ví dụ, đế chế, quốc gia - dân tộc, hay một dạng chủ thể quốc tế nào đó); (2) *Mục tiêu chính sách đối ngoại chủ yếu mà những đơn vị này tìm kiếm đối với các đơn vị khác là gì?* (ví dụ, xâm chiếm lãnh thổ, giành được lợi ích vật chất thông qua thương mại); và (3) *Những đơn vị này có thể tác động gì tới các đơn vị khác với năng lực quân sự và kinh tế của chúng?*

Liệu những tiêu chuẩn này có dẫn chúng ta tới kết luận rằng một hệ thống mới đã nảy sinh? Đầu tiên, mặc dù các quốc gia vẫn là chủ thể chính trên đấu trường thế giới, chúng không còn là các chủ thể duy nhất nữa. Theo Richard Haass (2008, 45), cựu thành viên cấp cao của Ủy ban An ninh Quốc gia Mỹ, “các quốc gia đang bị thách thức từ bên trên, bởi các tổ chức khu vực và toàn cầu; từ bên dưới, bởi dân quân, và từ bên cạnh, bởi nhiều tổ chức phi chính phủ.” Ví dụ, Tổ chức Thương mại Thế giới và Quỹ Tiền tệ Quốc tế hiện nay thỉnh thoảng lại thể hiện quyền lực chính trị của họ trong cuộc tranh giành với các quốc gia cá thể, tương tự là những nhóm từ Hezbollah và Taliban tới Tổ chức Hòa bình xanh và Bác sĩ không biên giới. Hệ thống quốc tế ngày nay, nói cách khác, bao gồm không chỉ các quốc gia lãnh thổ có chủ quyền mà còn bao gồm một mạng lưới tương tác phức tạp giữa các quốc gia, các thể chế quốc tế và các **chủ thể phi quốc gia** khác.⁴

Thứ hai, mặc dù cuộc cạnh tranh giành các nguồn tài nguyên vẫn tiếp diễn, như có thể được nhìn thấy trong cuộc tranh chấp giữa Trung Quốc và Nhật Bản về các mỏ dầu khí ở biển Hoa Đông, xâm chiếm lãnh thổ không còn là mục tiêu chủ chốt trong chính sách đối ngoại của phần lớn quốc gia. Thay vào đó, trọng tâm của chúng đã chuyển từ các phương pháp thực thi ảnh hưởng quân sự truyền thống

⁴ Chủ thể phi quốc gia (non-state actors): mọi nhóm hành động xuyên quốc gia mà không phải là quốc gia, như là các tổ chức quốc tế mà thành viên là các quốc gia (IGOs) và các tổ chức phi chính phủ (NGOs) mà thành viên là các cá nhân và các nhóm tư nhân có thành viên đến từ nhiều hơn một quốc gia.

sang các biện pháp kinh tế. Trong khi đó, cuộc cạnh tranh về ý thức hệ của Chiến tranh Lạnh giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản không còn là sự chia rẽ căn bản trong chính trị quốc tế nữa, và một trục mới vẫn chưa hình thành rõ ràng.

Thứ ba, sự phổ biến các loại vũ khí chết người đã thay đổi sức phá hủy mà một quốc gia có thể giáng lên quốc gia khác. Không chỉ mình các cường quốc kiểm soát các vũ khí đáng sợ nhất của thế giới nữa. Đáng sợ hơn, một nhóm người cường tin nhỏ và hoạt động ngầm không còn cần đến các vũ khí tiên tiến mới có thể tạo ra các sự tàn phá kinh khủng. Sự khéo léo và dao gập rọc giấy đã giúp bọn khủng bố giết hàng ngàn người trong vụ ngày 11/9.

Những thay đổi về loại đơn vị (hay chủ thể), mục tiêu và năng lực trong những năm gần đây đã thay đổi ghê gớm xếp hạng sức mạnh của các chủ thể quốc gia và phi quốc gia trên trường quốc tế. Tất nhiên, cấu trúc thứ bậc vẫn tồn tại. Thứ bậc kinh tế tách rời kẻ giàu và kẻ nghèo, thứ bậc chính trị tách biệt những người cai trị với những kẻ bị trị, thứ bậc tài nguyên làm một số trở thành nhà cung cấp và số khác phải phụ thuộc, và thứ bậc quân sự đẩy các nước mạnh chống lại các nước yếu. Tất cả vẫn định hình quan hệ giữa các quốc gia, như trong quá khứ. Tương tự, sự thiếu vắng các thể chế để quản lý toàn cầu cùng với tình trạng mất an ninh quốc gia thường xuyên khuyến khích việc sử dụng sức mạnh mà không có sự ủy nhiệm quốc tế. Do đó những thay đổi và tiếp nối cùng tồn tại, với cả hai lực lượng cùng lúc định hình nền chính trị thế giới đương đại.

Thách thức, do vậy, là làm sao quan sát các thực tiễn toàn cầu hiện nay một cách cẩn thận nhằm mô tả và giải thích đặc điểm của chúng. Điều này đòi hỏi chúng ta phải hiểu xem hình ảnh về hiện thực của chúng ta đã định hình kì vọng của chúng ta ra sao. Nó cũng đòi hỏi một loạt công cụ để phân tích các lực lượng giữ nguyên và thay đổi có ảnh hưởng đến thế giới của chúng ta. Do đó, phần còn lại của chương này sẽ xem xét sơ lược vai trò của hình ảnh của thực tế trong việc thấu hiểu chính trị thế giới, và sau đó sẽ mô tả một vài công cụ mà chúng ta sử dụng trong quyển sách này để lý giải các xu hướng và thay đổi trong chính trị thế giới.

Nhận thức ảnh hưởng như thế nào đến hình ảnh về hiện thực

Tất cả chúng ta đều có những hình ảnh trong tâm tưởng về chính trị thế giới – công khai hay ngấm ngầm, vô thức hay có ý thức. Nhưng dù chúng ta có tự nhận thức được ở mức độ nào, thì hình ảnh của chúng ta cũng đơn giản hóa “hiện thực” bằng cách phóng đại một vài đặc điểm của môi trường xung quanh trong khi phớt

lờ những đặc điểm khác. Do đó chúng ta sống trong một thế giới được định dạng bởi kì vọng và hình ảnh của chúng ta.

Những bức tranh tinh thần, hay các nhận thức này, không tránh khỏi bóp méo sự thật, bởi vì chúng không thể nắm bắt đầy đủ sự phức tạp và hình dạng của ngay cả các vật thể vật lý, như bản thân địa cầu (xem phần Tranh luận: Liệu chúng ta có nên tin những gì mình nhìn thấy?)

Nhiều hình ảnh của chúng ta về chính trị thế giới được xây dựng dựa trên những ảo tưởng và nhận thức sai lầm. Và kể cả những hình ảnh hiện nay chính xác cũng dễ dàng trở nên lỗi thời nếu chúng ta không thể nhận ra những thay đổi trên thế giới. Thực tế, tương lai của thế giới sẽ bị quyết định không chỉ bởi những thay đổi đối với các thực thể “khách quan” trong chính trị thế giới mà còn theo nghĩa rằng con người tin vào các thực thể đó, tức những nhận thức mà họ dựa vào đó để lý giải, và hành động theo sau những nhận định và sự lý giải đó – cho dù những nhận thức đó chính xác hay không chính xác đến đâu.

Bản chất và nguồn gốc của các hình ảnh

Nỗ lực đơn giản hóa quan điểm của con người về thế giới là không thể tránh khỏi, và thậm chí còn cần thiết. Giống như người vẽ bản đồ dự định đơn giản hóa các khoảng không gian địa vật lý phức tạp để chúng ta có thể hiểu rõ hơn về thế giới, mỗi người chúng ta không tránh khỏi tạo ra một “bản đồ tinh thần” – một cách thường gặp trong việc sắp xếp thông tin – để làm cho một khối thông tin rối loạn trở nên có ý nghĩa, dễ hiểu. Mặc dù các bản đồ tinh thần này không đúng hay sai một cách cố hữu, chúng lại rất quan trọng bởi vì chúng ta có xu hướng phản ứng theo cách mà chúng ta nhìn nhận thế giới hơn là theo bản chất thực sự của thế giới đó. Các lãnh đạo chính trị cũng đi theo xu hướng này (Kirkpatrick 2007). Như nhà tâm lý học chính trị Richard Ned Lebow (1981) đã cảnh báo, “Những người hoạch định chính sách có xu hướng bóp méo sự thực phù hợp với nhu cầu của họ ngay cả trong những tình huống tỏ ra ...tương đối rõ ràng.”

Phần lớn chúng ta – bao gồm cả những người hoạch định chính sách – tìm kiếm thông tin củng cố niềm tin vốn có của mình về thế giới, đồng hóa những dữ liệu mới vào những hình ảnh quen thuộc, và sai lầm khi đánh đồng những gì chúng ta tin với những gì chúng ta biết, và chối bỏ những thông tin mâu thuẫn với kì vọng của chúng ta. Chúng ta cũng dựa vào trực giác của mình và đưa ra những phán xét tức thời về nhiều vấn đề quan trọng (Gladwell 2005). Nghiên cứu về tâm lý học nhận thức gợi ý rằng con người là “những người phân loại” cố gắng hiểu thế giới

bằng cách đối chiếu những gì họ thấy với những hình ảnh trong trí nhớ về những sự kiện và con người nguyên mẫu – một quá trình mà các nhà tâm lý học gọi là **lập luận theo khuôn mẫu**⁵ (Larson 1994). Giáo sư thì đấng trí, luật sư thì không trung thực, còn bà thì tốt bụng là những ví dụ về các hình ảnh “dự trữ” mà nhiều người trong chúng ta có về các dạng người cụ thể. Mặc dù các giáo sư, luật sư và người bà mà chúng ta gặp có thể chỉ giống rất ít với những hình ảnh nguyên mẫu ấy, khi chúng ta biết ít về ai đó, kì vọng của chúng ta sẽ bị định hình bởi những điểm tương đồng được chúng ta mặc định về những nhân vật này.

TRANH LUẬN: Liệu chúng ta có nên tin vào cái mình nhìn thấy? Tổ chức Quan sát và Dự đoán về Thực tiễn Toàn cầu

Nhiều người mặc định rằng “nhìn thấy là tin tưởng” mà không cần đặt vấn đề liệu quan niệm của họ có đúng không. Nhưng liệu có gì nữa cần nhìn nhận ngoài những gì mắt thấy? Khi nhìn vào thế giới, liệu chúng ta có nhìn nhận nó bằng những cách có thể sai lệch? Các sinh viên ngành tâm lý học về nhận thức nghĩ như vậy. Họ giữ quan điểm rằng nhìn thấy không phải là một hành động hoàn toàn thụ động: Cái chúng ta quan sát được bị ảnh hưởng một phần bởi những giá trị và kì vọng có sẵn của chúng ta. Hai người quan sát cùng nhìn vào một vật có thể dễ dàng nhận thức những thực tiễn khác nhau. Để minh họa điều này, các nhà tâm lý học về nhận thức thích thú trình bày bức vẽ này, vốn dựa vào cách mà người xem nhìn vào nó, nó có thể được nhìn là một cái ly hay là hai gương mặt đối diện nhau.

Nguyên tắc này có tầm quan trọng lớn đối với những sinh viên học chính trị thế giới. Phụ thuộc vào quan điểm của một người, người ta có thể có sự khác biệt rất lớn về cách họ nhìn nhận các sự kiện, chủ thể và vấn đề quốc tế. Để hiểu được sự khác biệt xuất phát từ thực tế rằng những người khác nhau có thể dễ dàng nhìn thấy những thực tế khác nhau khi họ cùng nhìn vào một thứ, hãy cân nhắc một thứ căn bản như là nhìn nhận một cách khách quan về vị trí và kích cỡ của các lục địa trên thế giới. Đã tồn tại sự bất đồng từ lâu giữa những người vẽ bản đồ về cách vẽ bản đồ địa cầu “đúng đắn”, đó là, làm sao để có thể vẽ được chính xác về bề mặt Trái đất. Mọi bản đồ vẽ địa cầu đều có sự sai lệch, bởi vì không thể thể hiện địa cầu ba chiều một cách hoàn hảo trên giấy hai mặt. Khó khăn mà những người vẽ bản đồ phải đối mặt có thể được nhìn nhận bằng cách cố gắng trải phẳng một cái vỏ cam. Bạn chỉ có thể trải phẳng nó bằng cách tách từng phần của vỏ vốn dính liền nhau ở dạng hình cầu. Những người vẽ bản đồ nào cố gắng làm phẳng địa cầu trên giấy, mà không “xé lẻ nó” thành những phần riêng rẽ, cũng gặp vấn đề tương tự. Mặc dù có nhiều cách để thể hiện một vật thể ba chiều trên giấy, tất cả những việc này đều dẫn đến một dạng sai lệch nào đấy. Do đó những người vẽ bản đồ phải chọn trong số các cách thể hiện địa cầu không hoàn hảo bằng cách chọn ra những khía cạnh của địa lý thế giới mà họ cho là quan trọng nhất để mô tả



⁵ Lập luận theo nguyên mẫu (schematic reasoning): một quá trình mà các thông tin mới được lý giải bằng cách so sánh nó với các khái niệm chung đã lưu sẵn trong trí nhớ về một tình huống, chuỗi sự kiện và nhân vật theo khuôn mẫu cụ thể.

một cách chính xác, trong khi có sửa đổi những phần khác.

Ý kiến của những người vẽ bản đồ về cái gì là quan trọng nhất trong địa lý thế giới thay đổi phụ thuộc vào quan điểm toàn cầu của bản thân họ, hay phụ thuộc vào quan điểm của những cá nhân hay tổ chức mà bản đồ này được tạo ra (Xem Klinghoffer 2006). Ba bản đồ dưới đây (Bản đồ 1.1, 1.2, 1.3) mô tả sự phân bố bề mặt đất liền của trái đất, nhưng mỗi bản đồ lại mô tả một hình ảnh khác nhau. Mỗi bản đồ là một hình mẫu của hiện thực, một hình ảnh trừu tượng nhấn mạnh một vài đặc điểm của địa cầu trong khi bỏ qua những đặc điểm khác. Một bản đồ nhấn mạnh cái gì sẽ có ý nghĩa quan trọng về chính trị bởi vì nó định hình cách người ta nhìn nhận cái gì là quan trọng. Khi xem xét ba cách nhìn nhận và lý giải địa cầu này, bạn hãy đánh giá cách vẽ nào mà bạn cho là tốt nhất. Đặc điểm nào của thực tiễn toàn cầu đáng nhấn mạnh nhất để tạo ra một hình ảnh chính xác? Câu trả lời của bạn thể hiện giá trị và quan điểm của bạn về thế giới như thế nào?

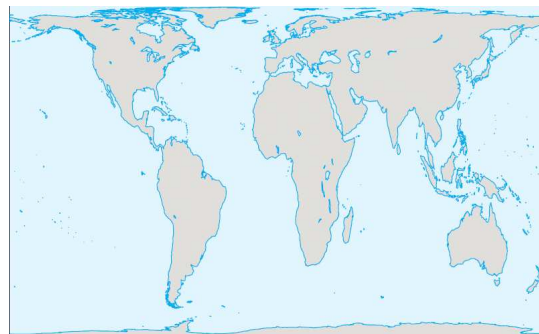
Bản đồ 1.1 Phép chiếu Mercator

Phép chiếu Mercator, phổ biến ở châu Âu thế kỉ 16, là quan điểm châu Âu cổ điển về thế giới. Nó chỉ hướng chính xác, làm cho bản đồ này rất hữu ích trong định hướng, nhưng lại đặt châu Âu vào trung tâm thế giới và phóng đại tầm quan trọng của lục địa này so với các lục địa khác. Châu Âu có vẻ lớn hơn Nam Mỹ, vốn gấp đôi kích cỡ của châu Âu, và 2/3 bản đồ được sử dụng để mô tả nửa phía bắc của thế giới và chỉ 1/3 là dành cho nửa phía nam. Bởi vì các đường kinh tuyến được trình bày song song thay vì hội tụ, nó cũng phóng đại quá nhiều kích cỡ của Greenland và Bắc Băng Dương.



Bản đồ 1.2 Phép chiếu Peter

Trong phép chiếu Peter, mỗi vùng đất có vẻ là có tỉ lệ đúng trong tương quan với các phần khác, nhưng nó lại bóp méo hình dạng và vị trí các vùng đất. Trái ngược với phần lớn các cách trình bày địa lý khác, nó thu hút sự chú ý vào các nước châu Phi, châu Á và Mỹ Latinh nơi có hơn 3/4 dân số thế giới sinh sống.



Bản đồ 1.3 Phép chiếu trực giao

Phép chiếu trực giao, tập trung vào trung tâm Đại Tây Dương, chuyển tải được cảm nhận về độ cong của Trái đất thông qua việc sử dụng đường viền hình tròn. Kích cỡ và hình dạng các lục địa ở phía đường rìa của vòng tròn bị sai lệch để tạo cảm giác về mặt cầu.



Sự thiên vị khi quy kết⁶ cũng tô màu cho những hình ảnh mà chúng ta có về bản thân và những người khác. Khi giải thích hành động của mình, đặc biệt là khi ai đó nghi ngờ về tính đúng đắn của những cái chúng ta đã làm, phần lớn chúng ta nhấn mạnh vào sự đưa đẩy của hoàn cảnh bên ngoài (“Tôi làm việc đó bởi vì hoàn cảnh cho thấy việc ấy cần thiết; tôi không còn lựa chọn nào khác.”) Tuy nhiên, khi kẻ thù hành động tương tự, nhìn chung chúng ta sẽ quy kết hành động của họ là do sự khiếm khuyết trong tính cách của họ (“Họ làm việc đó vì bản chất thủ đoạn của họ.”) Nói cách khác, chúng ta nhấn mạnh tầm quan trọng của ảnh hưởng tình huống tới cái chúng ta làm trong khi chú trọng vào tầm quan trọng của những ảnh hưởng tính cách tới những gì người khác làm (L. Ross 1977).

Nhiều yếu tố định hình hình ảnh của chúng ta, bao gồm cách chúng ta tiếp xúc với xã hội khi còn nhỏ, các sự kiện đau buồn mà chúng ta có thể đã trải qua khi trưởng thành, và sự tiếp cận với những ý tưởng của những người mà chúng ta ngưỡng mộ chuyên môn của họ (Jervis 1976). Một khi chúng ta đã đạt được một hình ảnh, hình ảnh đó có vẻ là đương nhiên, đúng đắn. Theo đó, chúng ta cố gắng giữ cho nó tương hợp với những niềm tin khác của chúng ta, và qua một quá trình được gọi là **sự xung đột về nhận thức**⁷ (Festinger 1957), chúng ta loại bỏ các thông tin mâu thuẫn với cách mà nó miêu tả thế giới. Nói ngắn gọn, tâm trí của chúng ta lựa chọn, sàng lọc thông tin; kết quả là quan niệm của chúng ta phụ thuộc không chỉ vào cái gì xảy ra trong đời sống hàng ngày mà còn vào cách chúng ta lý giải và tiếp thu những sự kiện đó.

Tất nhiên, sự chấp nhận những điều mập mờ và tiếp thu các cách nghĩ mới ở các cá nhân là khác nhau. Một số người có khả năng tốt hơn những người khác trong việc thay đổi các thói quen nhận thức và tiếp nhận thông tin mới. Tuy nhiên, ở một mức nào đó, tất cả chúng ta đều là tù nhân của những quan niệm của chính mình.

Vai trò của các hình ảnh trong chính trị thế giới

Chúng ta phải cẩn thận để không tự động mặc nhận rằng điều gì áp dụng với cá nhân cũng áp dụng với cả quốc gia, và chúng ta không nên đánh đồng niềm tin của

⁶ Sự thiên vị khi quy kết (attribution biases): xu hướng nhấn mạnh các yếu tố tình huống khi giải thích hành vi của bản thân ai đó trong khi nhấn mạnh những yếu tố tính cách khi giải thích hành vi tương tự của người khác.

⁷ Sự xung đột về nhận thức (cognitive dissonance): xu hướng tâm lý từ chối hay không hợp lý hóa những sự khác biệt giữa niềm tin vốn có của một người với những thông tin mới.

lãnh đạo quốc gia với niềm tin của những người sống dưới quyền họ. Tuy nhiên, lãnh đạo lại có ảnh hưởng lớn, và nhận thức của lãnh đạo về hoàn cảnh lịch sử thường dẫn dắt họ cư xử với người khác theo những cách cụ thể, bất chấp thực tế “khách quan”. Ví dụ, sự thiệt mạng của 26 triệu người Liên Xô trong “Cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại” (là cách người Nga dùng để nói về Chiến tranh thế giới lần thứ hai) củng cố một nỗi sợ lâu dài đối với ngoại xâm, khiến cho cả một thế hệ nhà hoạch định chính sách Liên Xô nhìn nhận những động thái quân sự của Mỹ đầy nghi kỵ và cảnh giác.

Bởi vì các lãnh đạo và người dân thường có xu hướng phớt lờ hay diễn dịch lại các thông tin đi ngược với niềm tin của họ, sự hiểu lầm lẫn nhau càng làm trầm trọng thêm những xung đột có nguồn gốc từ sự khác biệt về lợi ích và giá trị. Mặc dù mức độ hiểu nhầm có thể không giống nhau ở hai bên xung đột và một bên có thể có thể giữ định kiến của họ dai dẳng hơn so với bên kia, sự thiếu tin tưởng và nghi ngờ vẫn gia tăng khi các bên xung đột nhìn nhận bên kia một cách tiêu cực. Hiện tượng được gọi là **hình ảnh qua gương**⁸ này xảy ra ở Matxcơva và Washington trong Chiến tranh Lạnh. Mỗi bên tự thấy hành động của mình là mang tính xây dựng và phản ứng của đối thủ là mang tính thù địch, và cả hai bên đều nhận định sai lầm rằng bên kia sẽ hiểu các sáng kiến chính sách (của mình) như đã được dự định. Ví dụ, khi nhà tâm lý học Urie Bronfenbrenner (1961) tới Matxcơva, ông rất ngạc nhiên khi thấy người Nga mô tả người Mỹ bằng những từ ngữ cực kỳ giống với cách người Mỹ mô tả Liên Xô: Mỗi bên tự thấy mình đạo đức và yêu hòa bình trong khi bên kia được xem là không thành thật và hiếu chiến. Kể từ đó, các nhà nghiên cứu đã tìm thấy bằng chứng về những hình ảnh đối lập trắng-và-đen rõ ràng mà những đối thủ lưu giữ trong nhiều xung đột quốc tế khác, bao gồm xung đột Ấn Độ - Pakistan và Ả-rập - Israel (Stoessinger 1993, 111-135; R. White 1977). Trong những tình huống đó việc giải quyết xung đột là cực kỳ khó khăn. Không chỉ các bên đối lập có sự thiên vị đối với các kết quả nhất định so với các kết quả khác, mà họ còn không nhìn nhận các vấn đề bên dưới theo cùng một cách. Các vấn đề càng phức tạp hơn khi hình ảnh qua gương của các bên thù địch có xu hướng tự củng cố. Khi một bên cho là bên kia thù địch, họ cư xử với đối thủ của họ theo một cách làm đối thủ của họ có hành động đáp trả tương ứng khẳng định giả định ban đầu, do vậy tạo nên một vòng tròn luẩn quẩn của sự thù địch ngày càng sâu sắc, khiến làm giảm triển vọng hòa bình (M. Deutsche 1986; Sen 2006). Việc làm sáng tỏ các hiểu nhầm lẫn nhau có thể thúc đẩy đàm phán giữa hai bên, nhưng xóa bỏ những quan điểm lệch lạc về nhau của các bên thù địch sẽ không tự động xóa bỏ

⁸ Hình ảnh qua gương (mirror image): xu hướng mà người ta khi tương tác cạnh tranh nhìn nhận đối phương tương tự nhau – tức nhìn nhận kẻ thù theo cùng một cách mà kẻ thù nhìn nhận họ.

mục đích thực sự trái ngược nhau và xung đột về lợi ích đã chia rẽ họ (xem Áp dụng: nhìn nhận thế giới qua con mắt bên ngoài).

ÁP DỤNG: Nhìn nhận thế giới qua con mắt bên ngoài

Một vấn đề liên tục xảy ra trong lĩnh vực quan hệ quốc tế liên quan đến mối quan hệ giữa lý thuyết và thực tiễn. Các lý thuyết về chính trị thế giới phù hợp với thực tiễn quản lý nhà nước tới mức độ nào? Các lý thuyết do cộng đồng học thuật đưa ra giúp ích cho những người hoạt động thực tiễn trong việc định hình và thực hiện chính sách đối ngoại như thế nào?

Trong chương này chúng tôi đã giới thiệu cho các bạn về một vài quan niệm lý thuyết mà các học giả sử dụng để mô tả vai trò của nhận thức trong chính trị thế giới. Nghiên cứu tâm lý về nhận thức của con người cho thấy rằng niềm tin và kì vọng của chúng ta ảnh hưởng đến những gì chúng ta nhìn thấy, và rằng nhiều người không thể tưởng tượng nổi làm sao mà những người khác có thể nhìn nhận thế giới theo những cách khác. Gắn chặt với những mối quan tâm và nhu cầu bản thân, họ đã đánh giá quá cao sự chính xác trong cái nhìn về thế giới của mình và lý giải sai lầm các đặc điểm, dự định và năng lực của người khác. Theo Dennis Ross, cựu phái viên Trung Đông và nhà đàm phán hòa bình trong nhiệm kỳ của tổng thống George H. W. Bush và Bill Clinton, hiểu một nhận thức của bên kia là điều quan trọng trong việc tiến hành đàm phán quốc tế thành công. Ông lập luận rằng việc biết cái mà các bên khác coi trọng cũng như những điều họ lo sợ, những áp lực sẽ khiến quan điểm mặc cả của họ trở nên cứng rắn hoặc mềm mỏng hơn là rất quan trọng. Trong phần trích dẫn dưới đây, Ross mô tả cách hỏi những câu hỏi mang tính thăm dò cũng như lắng nghe cẩn thận câu trả lời của bên kia đã giúp ông trong quá trình đàm phán kiểm soát vũ khí với Liên Xô và Liên bang Nga như thế nào.

Với Liên Xô lúc ban đầu và sau đó là người Nga, tôi có những cuộc trao đổi dài với Sergei Tarasenko và Yuri Mamedov, những người phụ tá chủ chốt của các ngoại trưởng lúc đó là Eduard Shevardnadze và Andrei Kosyrev. Trao đổi với họ làm hé lộ một lượng lớn những gì có thể và không thể thực hiện được đối với kiểm soát vũ khí – không nhất thiết là tôi đã đào bới thông tin từ họ, mà vì tôi hỏi những câu hỏi chuyển tải sự quan tâm đối với việc cố gắng hiểu được những hoàn cảnh rộng hơn mà họ phải tuân thủ.

Ví dụ, đôi khi tôi hỏi những câu hỏi về việc cải tổ thực sự khả thi đến đâu. Thường thì, nó dẫn đến những cuộc tranh luận về sự suy yếu và tình trạng bất ổn ở Liên Xô, những người ủng hộ và phản đối cải tổ ở nhiều cấp độ, lập luận của họ; liệu các hiệp ước kiểm soát vũ khí có phù hợp, và quan điểm của họ về việc chúng tôi và những người khác có thể giúp gì hay gây hại gì cho quá trình cải tổ.

Một thuộc tính thiết yếu đối với bất kì nhà đàm phán nào là phải là người biết lắng nghe. Điều quan trọng là biết khi nào thì nói, nhưng, quan trọng hơn, là khi nào thì lắng nghe. Bạn sẽ không học được gì khi bạn đang nói. Có lẽ bạn sẽ định hình hay đưa ra điều kiện cho các quan điểm, nhưng bạn sẽ không học được gì. Bạn học được khi bạn lắng nghe. Là một người biết lắng nghe chuyển tải một mức độ quan tâm và tôn trọng. Nó thể hiện rằng bạn coi trọng những gì liên quan đến những người bạn đang làm việc cùng. Bạn có khả năng gợi ra nhiều thứ hơn khi bạn chủ động chuyển tải sự tôn trọng và lắng nghe như thế (D. Ross 2007, 191-192).

Lý thuyết và nghiên cứu về quan điểm nhận thức của các lãnh đạo chính trị chỉ ra rằng mỗi chủ thể trên đấu trường quốc tế nhìn nhận thế giới tương đối khác nhau. Các nhà hoạch định chính sách mà phớt lờ những khác biệt đó có thể dễ dàng bỏ qua những dấu hiệu có ý nghĩa từ các đối thủ của họ và không thể nắm bắt được các cơ hội lướt qua để có được các đột phá ngoại giao. Sự cảm thông, nhìn nhận một tình huống từ quan điểm của phía bên kia, do vậy là một kĩ năng đáng quý. Ross kết luận "Một người càng thể hiện được sự thấu hiểu của mình về việc tại sao những người khác lại tin vào cái họ làm, và niềm tin đó đến từ đâu, thì họ càng có cơ hội thành công."

Như phản ánh của Ross về kinh nghiệm của mình trong các cuộc đàm phán kiểm soát vũ khí cho thấy, ranh giới giữa lý thuyết và kỹ năng ngoại giao có thể hòa trộn vào nhau. Kiến thức về lý thuyết không những phù hợp với việc hoạch định chính sách, mà những nhà hoạch định chính sách còn tận dụng nó, dù có ý thức về việc đó hay không (George 1993, 135).

Mặc dù hình ảnh (hay nhận thức) của chúng ta về chính trị thế giới khá ổn định, thay đổi vẫn có thể xảy ra. Việc vượt qua những thói quen tư duy cũ kĩ đôi khi sẽ xảy ra khi chúng ta trải nghiệm sự không hài lòng cực kì lớn do bám lấy một nhận định sai lầm. Như Benjamin Franklin đã từng nhận định, "Những thứ gây tổn thương sẽ đưa ra chỉ dẫn." Đặc biệt, các sự kiện kịch tính đôi khi có thể thay đổi hoàn toàn các hình ảnh quốc tế. Ví dụ, chiến tranh Việt Nam đã khiến nhiều người Mỹ thay đổi quan điểm của mình về việc sử dụng sức mạnh trong nền chính trị thế giới đương đại. Khi chúng ta dự đoán về tương lai toàn cầu, chúng ta cần phải suy nghĩ một cách phê phán về nền tảng của quan niệm của chúng ta. Chúng có đúng không? Chúng có dựa trên đầy đủ thông tin không? Liệu chúng có thể được điều chỉnh để giành được sự hiểu biết lớn hơn về những người khác không?

Nghi vấn chính hình ảnh của mình là một trong những thách thức quan trọng nhất mà chúng ta phải đối mặt khi phân tích chính trị thế giới. Một mục đích của cuốn sách này là để giúp bạn nuôi dưỡng một thái độ phê phán với niềm tin của mình về quan hệ quốc tế. Vì mục đích đó, chúng tôi sẽ đề nghị bạn đánh giá các quan điểm trái ngược nhau về các vấn đề toàn cầu, kể cả khi chúng khác xa quan điểm của bạn. Thực tế, chúng tôi sẽ cho bạn tiếp xúc với những trường phái tư duy đang thịnh hành hiện nay mà có thể bạn không thấy thuyết phục, và có thể bạn không thích. Tại sao lại thêm cả chúng vào? Bởi vì nhiều người khác lại dùng những quan điểm này làm nền tảng cho cách nhìn thế giới của họ. Suy nghĩ một cách phê phán trong lĩnh vực quan hệ quốc tế kéo theo việc chống lại những thiên vị và nhận định của bản thân mỗi người, cũng như thừa nhận rằng sự thiên lệch trong tư duy của những người khác có thể dẫn đến việc họ nhìn nhận và lý giải các sự kiện theo những cách mà từ quan điểm của cá nhân bạn là rất kì cục.

Một khuôn khổ để nghiên cứu chính trị thế giới

Nếu con người phóng đại sự chính xác của những nhận thức của bản thân và tìm kiếm thông tin củng cố những gì họ tin tưởng, làm thế nào chúng ta thoát ra khỏi sự thiên vị mà thành kiến của chúng ta tạo nên? Làm thế nào chúng ta tránh được việc bỏ lỡ hay không nhận thức được những bằng chứng đi ngược lại với tri thức của chúng ta? Không có giải pháp chắc chắn nào cho vấn đề quan sát chính xác, không có cách nào đảm bảo rằng chúng ta có quan điểm khách quan về quan hệ quốc tế. Tuy nhiên, có rất nhiều công cụ sẵn có có thể cải thiện khả năng phân tích quan hệ trên thế giới. Một cách tiếp cận là sử dụng một nền tảng mang tính phân tích để kiểm soát nhìn nhận của chúng ta. Nền tảng mang tính phân tích gợi ý nên tìm kiếm thông tin liên quan đến một hiện tượng khó hiểu, và làm sao để tổ chức các thông tin thành một danh sách dài những nguyên nhân khả dĩ. Mặc dù không có nền tảng phân tích nào có thể đảm bảo rằng chúng ta sẽ có quan điểm không thiên lệch về chính trị thế giới, các nhà khoa học xã hội thường xây dựng các cấp độ phân tích và chuỗi thời gian trong các khuôn khổ mà họ sử dụng nhằm nỗ lực làm sáng tỏ những yếu tố nhân quả mà nếu không họ có thể bỏ qua.

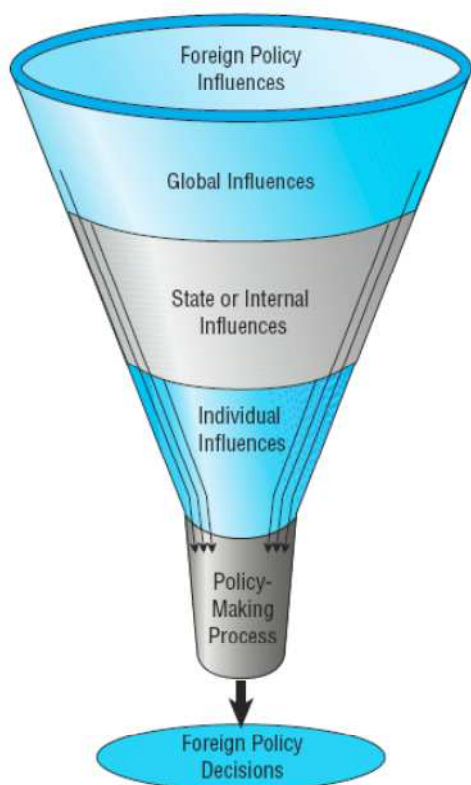
Các cấp độ phân tích

Ở trung tâm của hầu như mọi sự kiện quốc tế là một vấn đề cần tìm hiểu. Ai đó bối rối không biết tại sao một sự kiện lại diễn ra, hay tò mò về việc điều gì sẽ xảy ra nếu một trong các bên tham gia có hành động khác. Bước đầu tiên khi giải quyết các vấn đề này là đặt câu hỏi: “Sự kiện này là ví dụ cho hình mẫu lớn hơn nào?” (Rosenau & Durfee 1995; Lave & March 1975). Nhìn nhận một sự kiện như là một phần của một hình mẫu lớn hơn cho phép chúng ta tưởng tượng rằng hình mẫu đó là kết quả cuối cùng của một quá trình chưa biết nào đó, và khuyến khích chúng ta suy nghĩ về cơ chế nhân quả có thể đã sản sinh ra hình mẫu đó.

Rất nhiều học giả đã xếp danh sách những cơ chế nhân quả khả dĩ đằng sau một sự kiện theo 3 cấp độ phân tích: cá nhân, nhà nước, và toàn bộ hệ thống thế giới (Xem Hình 1.1). Cấp **độ phân tích cá nhân**⁹ đề cập đến các đặc điểm tính cách riêng biệt, kinh nghiệm, và hành vi của những người chịu trách nhiệm đưa ra các quyết định quan trọng thay mặt các chủ thể nhà nước và phi nhà nước, cũng như các công dân bình thường mà hành vi của họ có hệ quả chính trị quan trọng. Ví dụ như, chúng ta có thể xác định ảnh hưởng của niềm tin chính trị, thái độ và quan

⁹ Cấp độ phân tích cá nhân (individual level of analysis): một cách tiếp cận phân tích đối với việc nghiên cứu chính trị quốc tế nhấn mạnh các yếu tố tâm lý thúc đẩy hành động của các nhà hoạch định chính sách đối ngoại thay mặt cho quốc gia và các chủ thể toàn cầu khác.

điểm của một lãnh đạo đối với hành vi của họ, và khám phá các câu hỏi như là tại sao Tổng thống Bill Clinton và George W. Bush lại đối xử với Saddam Hussein theo những cách khác nhau.



Hình 1.1 Giải thích các sự kiện quốc tế: Ảnh hưởng ở 3 cấp độ

Các yếu tố định hình các sự kiện quốc tế có thể được phân thành 3 cấp độ. Ở cấp độ hệ thống là các đặc điểm của hệ thống toàn cầu như sự phổ biến của các liên minh và mức độ của sự phụ thuộc lẫn nhau về thương mại. Ở cấp độ quốc gia là các ảnh hưởng bên trong như loại hình chính phủ hay ý kiến của người dân. Ở cấp độ cá nhân là các đặc điểm tính cách của lãnh đạo – niềm tin cá nhân, giá trị và nhân cách của người đó. Các yếu tố từ 3 cấp độ này có thể ảnh hưởng tới bất kì sự kiện nào, nhưng tầm quan trọng tương đối của chúng có thể thay đổi phụ thuộc vào những hoàn cảnh chi phối và các sự kiện có liên quan.

Cấp độ phân tích quốc gia¹⁰ bao gồm những thuộc tính trong nước của quốc gia dân tộc, bao gồm kiểu chính phủ, mức độ phát triển kinh tế, đặc điểm xã hội, vv... Ví dụ, các quá trình hoạch định chính sách của chính quyền liên quan đến chiến tranh và hòa bình sẽ thuộc vào cấp độ phân tích quốc gia. Một ví dụ phổ biến có thể thấy là trong cuộc tranh luận rằng các chính quyền độc tài hiếu chiến hơn các chính phủ dân chủ bởi vì lãnh đạo của họ không bị kiểm soát bởi các cuộc bầu cử có tính cạnh tranh cao hay văn hóa chính trị xuất phát từ các quan niệm về khoan dung và nhân nhượng.

Cấp độ phân tích hệ thống¹¹ cung cấp cái nhìn toàn diện nhất về chính trị thế giới, tập trung vào sự phân chia các nguồn lực và hình mẫu tương tác giữa các

¹⁰ Cấp độ phân tích quốc gia (state level of analysis): một cách tiếp cận phân tích trong nghiên cứu chính trị quốc tế nhấn mạnh ảnh hưởng của các thuộc tính bên trong của nhà nước đối với hành vi chính sách đối ngoại của họ.

¹¹ Cấp độ phân tích hệ thống (systemic level of analysis): một cách tiếp cận phân tích để nghiên cứu chính trị thế giới nhấn mạnh ảnh hưởng của cấu trúc và quá trình quốc tế đối với hành vi của các chủ thể toàn cầu.

chủ thể chính trị ở cấp độ toàn cầu. Sự phân bổ về khả năng quân sự, mật độ của các mạng lưới liên minh, và mức độ phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế giữa các chủ thể nhà nước và phi nhà nước là tất cả đặc điểm của hệ thống quốc tế tổng thể. Việc giải thích các sự kiện quốc tế sử dụng cấp độ hệ thống cho rằng hành vi của các chủ thể toàn cầu xuất phát từ vị trí của họ trong hệ thống quốc tế. Các chủ thể khác nhau hành xử tương tự khi họ có vị trí về quyền lực và thịnh vượng tương tự nhau trong hệ thống.

Tóm lại, việc phân loại các nguyên nhân khả dĩ của một sự việc theo các cấp độ phân tích là hữu ích bởi vì nó khuyến khích chúng ta nhìn xa hơn hình ảnh mà ta có trước đó. Nó giúp chống lại việc giải thích chỉ dựa vào một yếu tố vốn hoàn toàn phụ thuộc vào một lý do quyết định. Như là các ống kính máy ảnh, cho phép chúng ta phóng to và kiểm tra các chi tiết nhỏ ở cấp độ cá nhân, và rồi quay lại cấp độ quốc gia và hệ thống để nhìn mọi thứ từ góc nhìn rộng hơn. Chuyển từ cấp độ này sang cấp độ khác, nhìn từng phần cũng như tổng thể, gợi ra những câu hỏi khác biệt để hỏi và loại bằng chứng cần thiết nào để đi đến những đáp án có ý nghĩa.

Chuỗi thời gian

Một khi chúng ta đã xác định được những yếu tố từ các cấp độ phân tích khác nhau có thể góp phần tạo nên kết quả nào đó, đặt chúng trong một chuỗi xác định thứ tự xảy ra là việc có ích. Bất cứ ai sở hữu một cái khóa số đều biết rằng con số chính xác phải được đặt đúng thứ tự để mở khóa. Tương tự, để giải thích tại sao chuyện gì diễn ra trong chính trị thế giới, chúng ta phải xác định làm thế nào mà các cá nhân, quốc gia và các chủ thể ở cấp độ hệ thống cùng tham gia vào một quá trình vốn dần dần hé mở theo thời gian.

Một cách để đưa trục thời gian vào khuôn khổ phân tích là tìm hiểu xem những yếu tố cá nhân, quốc gia hay hệ thống gắn với sự xuất hiện của một sự kiện đang nghiên cứu đến mức nào. Chúng ta có thể làm việc này bằng nhiều cách, nhưng vì mục đích minh họa chúng tôi đơn giản chỉ phân biệt nguyên nhân sâu xa và trực tiếp. Các nguyên nhân sâu xa là những yếu tố sâu, ngầm ẩn mà các ảnh hưởng của chúng diễn ra trong một khoảng thời gian dài. Nguyên nhân trực tiếp là những nguyên nhân có ảnh hưởng tức thì hơn. Ví dụ, hãy nghĩ về việc bùng phát một vụ cháy rừng sau một cơn bão có sấm chớp ở khu vực đồi núi khô hạn. Nguyên nhân sâu xa là hạn hán kéo dài đã hun khô cả khu vực; nguyên nhân trực tiếp là một tia sét làm cháy một cây thông khô.

Trong chính trị thế giới, bằng cách tìm kiếm các nguyên nhân sâu xa và trực tiếp trong nhiều cấp độ phân tích, chúng ta tránh được việc sự thiên vị trong nhận thức cá nhân hạn chế khung tham chiếu của chúng ta một cách không cần thiết, điều vốn có thể dẫn đến việc vội vàng nắm lấy những cách giải thích thú vị nhưng lại không đầy đủ về những hiện tượng chúng ta muốn hiểu. Để minh họa, chúng ta hãy áp dụng nền tảng phân tích vào câu hỏi tại sao Chiến tranh Lạnh lại kết thúc một cách hòa bình.

Áp dụng khuôn khổ vào sự kết thúc của Chiến tranh Lạnh

Trong suốt Chiến tranh thế giới lần thứ hai, Mỹ và Liên Xô đã liên minh với nhau chống lại Đức Quốc xã. Trong những tháng cuối cùng của cuộc xung đột sự nghi kỵ lẫn nhau giữa Matxcơva và Washington đã nâng lên đến mức bất đồng xoay quanh chính sách về tương lai của thế giới hậu chiến. Vào ngày trước khi tự sát, Adolph Hitler đã dự đoán rằng “quy luật của lịch sử và địa lý” sẽ buộc Liên Xô và Mỹ tham gia vào “một cuộc thử thách sức mạnh của nhau” (Bulllock 1962). Khi quan hệ Xô Mỹ tụt xuống theo một vòng xoáy tròn ốc của sự công kích và phản công kích, có vẻ như là dự đoán không may mắn của Hitler đã thành hiện thực.

Nhưng chiến tranh đã không tiếp diễn. Bất chấp hơn 40 năm quan hệ thù địch sâu sắc trong thời kì được gọi là Chiến tranh Lạnh, Liên Xô và Mỹ đã tránh được một cuộc thử thách sức mạnh của nhau (tức chiến tranh). Nếu không, kết quả có lẽ sẽ rất khủng khiếp. Đến năm 1983, khi Tổng thống Ronald Reagan đề cập đến Liên Xô như là một “đế quốc xấu xa”, hai cường quốc đã tích lũy được kho vũ khí hạt nhân lớn tới mức nếu chuyển sức công phá của chúng sang thuốc nổ TNT tương ứng và chất lên các toa chở hàng của xe lửa thì chuyển xe sẽ kéo dài từ trái đất lên mặt trăng và quay về ít nhất 6 lần. Do đó khi Chiến tranh Lạnh kết thúc mà không có đổ máu sau khi Liên Xô sụp đổ năm 1991, mọi người đều có thể thở phào.

Một vài người tranh luận rằng việc tăng cường quân bị của Mỹ trong nhiệm kì tổng thống của Reagan đã khiến Liên Xô phải phục tùng. Chiến tranh Lạnh kết thúc là do “chính sách cứng rắn của Reagan”, Richard Perle, một trong những cố vấn quân sự cho cựu tổng thống bày tỏ. Chính sách của chúng ta là “hòa bình thông qua sức mạnh”, như George H. W. Bush, phó Tổng thống của Reagan và là người kế nhiệm ông ở Nhà Trắng ngay sau đó đã nói. “Và nó có hiệu quả.”

Lập luận này có vẻ thuyết phục bởi vì sự tan rã của Liên Xô diễn ra cùng thời điểm với chương trình chạy đua vũ trang ở Mỹ. Hơn nữa, lập luận này phù hợp với

một loạt nhận định trước đó từ kinh nghiệm của người Mỹ với Đức Quốc xã: không thể nhân nhượng vô nguyên tắc với các lãnh đạo độc tài; ngôn ngữ quân sự có lẽ là ngôn ngữ duy nhất mà họ hiểu. Nhiều người Mỹ tin rằng các lãnh đạo Liên Xô cũng mị dân và tham lam như Hitler vậy. Trong khi sự dao động của Anh và Pháp trong những năm 1930 đã khuyến khích Hitler, sự cứng rắn của Reagan được cho là đã hạ gục Liên Xô.

Bảng 1.1 Các hình ảnh khác nhau về sự kết thúc của Chiến tranh Lạnh

Cấp độ phân tích	Chuỗi thời gian	
Cá nhân	Các nguyên nhân sâu xa	Các nguyên nhân trực tiếp
	<p><i>Lãnh đạo là các hình mẫu về đạo đức</i></p> <p>"Giáo hoàng (John Paul II) bắt đầu chuỗi sự kiện dẫn tới sự chấm hết của chủ nghĩa cộng sản." – Lech Walesa</p>	<p><i>Lãnh đạo là người thúc đẩy lịch sử</i></p> <p>"Ronald Reagan thắng trong Chiến tranh Lạnh vì ông ta cứng rắn với những người cộng sản." – Patrick Glynn</p> <p>"(Sự kết thúc của Chiến tranh lạnh trở nên khả thi) chủ yếu bởi vì một người – đó là Mikhail Gorbachev. Những chuyển biến mà chúng ta nhìn nhận ngày nay sẽ không bắt đầu nếu không có ông ta." – James A. Baker III</p>
Quốc gia	<p><i>Sức ỳ về chính trị</i></p> <p>"Do sự bất khả thi cố hữu của chủ nghĩa cộng sản...để chế Xô-viết tất phải thất bại về lâu dài." – Arthur Schlesinger, Jr.</p> <p><i>Sự quản lý kinh tế tồi</i></p> <p>"Không có nhà nước công nghiệp hóa nào (ngoại trừ Liên Xô) trên thế giới đến nay đã chi tiêu nhiều tài sản quốc gia vào vũ khí và lực lượng quân đội như vậy. Chủ nghĩa quân phiệt Liên Xô, cùng với chủ nghĩa cộng sản, đã phá hủy nền kinh tế Xô-viết và do đó đẩy nhanh quá trình tự phá hủy của chế độ Xô-viết." – Fred Charles Iklé</p>	<p><i>Sự chú ý của truyền thông</i></p> <p>"Chính sự đánh giá lại về mặt đạo đức của hơn 70 năm kinh nghiệm chủ nghĩa xã hội đã làm rung chuyển đất nước này ... Chính là cơn lũ công bố các báo cáo về nhân quyền của Liên Xô và việc nước này bóp méo nghiêm trọng các nguyên tắc đạo đức đã làm hệ thống này mất uy tín, đặc biệt là khi chúng được đưa vào cuộc sống hằng ngày của người dân thông qua truyền thông đại chúng." – Vladimir Benevolenski và Andrei Kortunov</p> <p><i>Phong trào của quần chúng nhân dân</i></p> <p>"Những thay đổi do hàng ngàn người phục vụ trong các chiến hào quân sự khởi xướng có ý nghĩa tối quan trọng đối với các</p>

sự kiện trong những năm gần đây và ít nhất chịu trách nhiệm một phần (đối với sự kết thúc của Chiến tranh Lạnh).” – David Cortright

Chủ nghĩa dân tộc sắc tộc

“Trong chưa đầy hai năm, chủ nghĩa cộng sản đã sụp đổ ở mọi nơi ... Lý do (là) các cộng đồng dân tộc.” – Helebe Carrere d’Encausse

Hệ thống

Chính sách ngăn chặn

“Mỹ và đồng minh của chúng ta đáng được ghi nhận vì đã duy trì sức mạnh quân sự và kinh tế để chống lại và đẩy lùi sự hiếu chiến của Liên Xô.” – Richard Nixon

Sự dàn sức quá mức của đế quốc

“Giai đoạn sụp đổ nhanh chóng của chủ nghĩa cộng sản bắt đầu bên ngoài Liên Xô và mở rộng đến bản thân nước này. Tới năm 1987, Gorbachev đã làm rõ rằng ông sẽ không can thiệp vào các cuộc thử nghiệm nội bộ ở các nước khối Xô viết ... Một khi chủ nghĩa cộng sản sụp đổ ở Đông Âu, hoàn cảnh tương tự ở Liên Xô sẽ là nội chiến hoặc tan rã.” – Daniel Klenbort

Nguồn: kegley (1994), Kegley và Raymond (1994, 42-44)

Những hình ảnh lịch sử rõ nét rất hấp dẫn. Chúng thường định hình cách chúng ta nhìn nhận hiện tại, thường theo những cách ngăn cản việc mổ xẻ những sự kiện tương đồng với quá khứ. Thay vì kiên nhẫn kiểm tra một vấn đề từ mọi góc độ, chúng ta liên tưởng (hay vẽ các đường song song) với một sự kiện đáng nhớ trong quá khứ và ngừng việc tìm kiếm thêm thông tin. Ví dụ, nhận định rằng “Ronald Reagan đã thắng trong Chiến tranh Lạnh do cứng rắn với phe cộng sản” (Glynn 1993) đã đem lại sức sống cho những hình ảnh đó mạnh mẽ đến mức mà việc tìm kiếm một cách giải thích khác trở nên không cần thiết. Nhưng bằng cách không đánh giá các giải thích trái ngược nhưng hợp lý, chúng ta có thể nhầm lẫn. Học giả xuất sắc người Nga Georgi Arbatov đã tranh luận rằng thay vì thuyết phục các chính khách cứng rắn của điện Kremlin đầu hàng, chính sách “cứng rắn” của Reagan thực sự đã củng cố ý chí của họ, do đó kéo dài Chiến tranh Lạnh (xem Kegley và Raymond 1994, 29).

Khung phân tích giúp ngăn chúng ta khỏi việc tin quá mức vào những sự kiện tương đồng bằng cách mở rộng việc tìm kiếm những quan niệm và thông tin

khác. Bảng 1.1 chỉ ra làm thế nào mà việc nhìn vào các cấp độ phân tích khác nhau và trực tiếp có thể giúp xác định các cách giải thích thay thế cho việc Chiến tranh Lạnh kết thúc một cách hòa bình. Ở cấp độ cá nhân, một trường hợp có thể kể tới là những cuộc cải tổ sâu rộng của Mikhail Gorbachev, chứ không phải sự cứng rắn của Ronald Reagan, có vai trò chủ chốt (Matlock 2004; Schneider, Windmer, và Ruloff 1993). Một khả năng khác là cả hai lãnh đạo đều có vai trò quan trọng (Leffler 2007). Vẫn còn một khả năng khác nữa là chuyển thăm của Giáo hoàng John Paul II tới quê hương Ba Lan của mình đã bắt đầu làm xói mòn chủ nghĩa cộng sản ở Đông Âu ngay từ trước khi Gorbachev lên nắm quyền. Ở mức độ quốc gia, sự trì trệ về chính trị và quản lý kinh tế tồi có lẽ là nguyên nhân làm Liên Xô yếu dần đi, trong khi sự bất bình trong xã hội, các phong trào biểu tình của dân thường, và sự bùng nổ của **chủ nghĩa dân tộc**¹² giữa các nhóm sắc tộc không phải người Nga ở các nước cộng hòa vùng Baltic và những nơi khác càng gia tăng tốc độ sụp đổ của chính quyền cộng sản. Cuối cùng, ở cấp độ hệ thống, **chính sách ngăn chặn**¹³ dài hạn của Mỹ, sự lan rộng của các khái niệm về nhân quyền sau khi kí Định ước Helsinki 1975 (Thomas 2001), và sau cùng là sự tan rã của vị thế Liên Xô ở Đông Âu chắc hẳn có vai trò trọng yếu đối với sự kết thúc của Chiến tranh Lạnh.

Việc xem xét *chuỗi nhân quả* chạy dọc các cấp độ phân tích theo thời gian cũng rất có ích. Ví dụ, sự trì trệ về chính trị và suy thoái kinh tế trong Liên Xô (cấp độ quốc gia) có thể là nguyên nhân sâu xa cho quá trình cải tổ của Gorbachev (cấp độ cá nhân), mà trở thành nguyên nhân trực tiếp dẫn tới sự sụp đổ của mạng lưới liên minh quân sự Liên Xô (cấp độ hệ thống) bằng cách đưa cho người dân Đông Âu cơ hội để định hướng một tiến trình quan hệ quốc tế mới. Nhưng một khả năng khác là cải tổ chính trị của Gorbachev đã cho những nhóm sắc tộc không phải người Nga ở nhiều nước cộng hòa Xô viết cơ hội thể hiện sự bất mãn dân tộc và tách ra khỏi Liên Xô. Chúng ta có thể đưa ra giả thuyết về những chuỗi nguyên nhân kết quả khác. Xác định những nguyên nhân nào giải thích tốt nhất cho sự sụp đổ của Liên Xô và sự kết thúc của Chiến tranh Lạnh là nhiệm vụ cho nghiên cứu tiếp sau. Mục đích của chúng ta ở đây đơn thuần là chứng minh rằng những hình ảnh tinh thần vốn có có thể ảnh hưởng như thế nào đến tầm nhìn của một người.

¹² Chủ nghĩa dân tộc (nationalism): niềm tin rằng sự trung thành chính trị đi cùng với một bộ phận người có chung sắc tộc, quan hệ gần gũi về văn hóa hay ngôn ngữ, và coi bản thân họ là thành viên của cùng một nhóm.

¹³ Ngăn chặn (containment): một thuật ngữ do nhà hoạch định chính sách Mỹ George Kennan đưa ra để chỉ việc ngăn chặn sự mở rộng của Liên Xô, được sử dụng để mô tả chiến lược nhằm vào việc ngăn chặn một quốc gia khỏi việc sử dụng bạo lực để mở rộng lãnh thổ hay vùng ảnh hưởng.

Chúng ta có được những quan điểm phong phú hơn, tinh tế hơn bằng cách nghiên cứu chính trị thế giới từ nhiều cấp độ phân tích khác nhau qua thời gian.

Đôi mắt với tương lai

Trong suốt lịch sử con người đã cố gắng dự đoán tương lai. Chắc chắn là, nhiều trong số những nỗ lực đó đáng được nhắc tới ngày nay bởi vì sự ngớ ngẩn của chúng hơn là vì chúng chính xác. Ví dụ, ngay từ đầu thế kỉ 19 tạp chí *Quarterly Review* đã nhận định rằng sẽ thật ngu ngốc khi kì vọng đầu máy xe lửa chạy nhanh gấp đôi xe tứ mã. Tàu hỏa cao tốc đơn giản là không khả thi, cây bút người Anh Dionysius Lardner bổ sung “bởi vì hành khách, không thể thở được, sẽ chết vì ngột thở” (Lee 2000). Mặc dù những điều này và các ví dụ cũng thú vị không kém khác về những dự đoán sai lầm nhắc nhở chúng ta rằng chúng ta không thể biết chắc chắn về tương lai xa, nhiều nhà lý thuyết lại tranh luận rằng các sự kiện ở tương lai gần nằm trong một thể liên tục những gì có thể dự đoán được, với một số có thể dự đoán nếu có một nỗ lực hệ thống nhằm tìm hiểu xem các xu hướng xã hội, kinh tế, chính trị và kỹ thuật có thể cùng nhau tạo ra những tương lai tiềm tàng thay thế theo những cách khác nhau như thế nào (xem Bazerman và Watkins 2004). Khi bạn xem xét nhiều khía cạnh của chính trị thế giới ở các chương sắp tới, chúng tôi khuyến khích bạn suy nghĩ về tương lai toàn cầu. Hãy nghĩ xem cái gì là khả thi, đánh giá cái gì có thể xảy ra và cái gì phù hợp hơn. Nhà tương lai học Edward Cornish từng viết “Chúng ta không phải là tù nhân của định mệnh” (2004, 210). Thay vào đó, chúng ta có sức mạnh phi thường để đánh giá các sự kiện quá khứ và xem xét các xu hướng hiện tại, phản ứng lại những cái mà chúng ta học được theo những cách có thể cải thiện triển vọng của con người.

Thách thức về nghiên cứu

Bởi vì chính trị thế giới khá phức tạp và hình ảnh của chúng ta về nó thường trái ngược nhau, các học giả cũng bất đồng trong cách tiếp cận về tìm hiểu chính trị thế giới. Một số có quan điểm chính trị vĩ mô tập trung vào hệ thống toàn cầu như một tổng thể và giải thích hành vi của các chủ thể bên trong nó bằng cách tập trung vào việc chúng được đặt ở vị trí nào. Những học giả khác tiếp nhận quan điểm chính trị vi mô tập trung vào các chủ thể cá nhân và ngoại suy từ hành vi của họ để mô tả hệ thống thế giới như một tổng thể. Cả hai cách tiếp cận đều có đóng góp quan trọng trong việc tìm hiểu chính trị thế giới: cách tiếp cận trước chúng tỏ môi trường bên ngoài có thể giới hạn lựa chọn chính trị như thế nào; cách sau thu hút

sự chú ý vào việc các ưu tiên, năng lực, và tính toán chiến lược của một quốc gia có thể lý giải ra sao cho các quyết định mà quốc gia đó thực hiện từ các lựa chọn sẵn có. Bằng cách nhìn nhận chính trị thế giới từ một quan điểm chính trị vĩ mô, chúng ta có thể nhìn nhận xem tại sao các chủ thể được đặt ở vị trí tương tự nhau trong hệ thống có thể cư xử giống nhau, dù họ có những khác biệt bên trong. Bằng cách có quan điểm chính trị vi mô, chúng ta có thể nhận thức tại sao một vài chủ thể cư xử khác nhau, bất chấp họ có cùng vị trí trong hệ thống toàn cầu (Waltz 1988, 43).

Do vậy, điều gì xảy ra trong chính trị thế giới phụ thuộc vào các lực lượng kiềm chế và thúc đẩy của hệ thống toàn cầu, những thứ vốn thiết lập một loạt các lựa chọn chính trị (chính trị vĩ mô) cũng như tác động vào quan niệm và động cơ vốn ảnh hưởng đến các quyết định chính sách đối ngoại do các chủ thể cá nhân đưa ra (chính trị vi mô). Chúng ta có một bức tranh phong phú hơn, toàn diện hơn về chính trị thế giới khi chúng ta đúc rút ra hiểu biết từ cả hai cách tiếp cận và khám phá xem cấu trúc hệ thống ảnh hưởng như thế nào đến hành vi của các chủ thể quốc tế, và sự tương tác giữa các chủ thể này đến lượt mình lại có ảnh hưởng ra sao lên cấu trúc của hệ thống. Kết quả là, trong những chương sau đây, chúng ta sẽ chọn một cách tiếp cận phân tích xem xét (1) các xu hướng vĩ mô chủ chốt trong chính trị thế giới đặt ra các giới hạn cho hành động, (2) các ưu tiên, năng lực và tính toán chiến lược của các chủ thể cá nhân bị ảnh hưởng bởi những xu hướng này, và (3) sự tương tác giữa các chủ thể trong các vấn đề an ninh và phúc lợi mà rốt cục định hình quỹ đạo của các xu hướng toàn cầu.

Xem xét các hình mẫu tương tác giữa các chủ thể là rất quan trọng bởi vì nhiều trong số các hình mẫu xác định đặc điểm của chính trị thế giới là kết quả của **hành vi phụ thuộc**.¹⁴ theo nhà kinh tế chính trị học Thomas Schelling (1978, 13-17), đôi khi các hình mẫu tổng thể chúng ta thấy có thể dễ dàng dự đoán được từ các chủ thể cá nhân. Ví dụ, nếu chúng ta biết rằng mỗi quốc gia tăng ngân sách quân sự hàng năm của mình một lượng nhất định do bộ máy hành chính nội bộ cần nhiều ngân sách hơn, chúng ta có thể đưa ra một dự đoán chắc chắn về xu hướng chi tiêu quân sự toàn cầu qua thời gian. Nhưng nếu một số quốc gia tăng ngân sách trong khi các quốc gia láng giềng cũng đã tăng, xác định xu hướng sẽ phức tạp hơn. Ở đây các lãnh đạo quốc gia phản ứng lại hành vi của nhau cũng như ảnh hưởng đến hành vi của nhau. Đôi khi hình mẫu kết quả có thể diễn ra theo thứ tự liên tiếp: nếu chi tiêu của anh có thể dẫn tới việc tôi tăng chi tiêu, thì việc tăng chi

¹⁴ Hành vi phụ thuộc (contingent behavior): các hành động phụ thuộc vào các hành động khác đang diễn ra.

tiêu của tôi cũng có thể khuyến khích ai khác chi tiêu nhiều hơn, và cứ thế. Đôi khi những hình mẫu này có thể mang tính tương hỗ: khi biết về chi tiêu của anh, tôi chi tiêu nhiều hơn, điều này lại thúc đẩy anh chi tiêu nhiều hơn nữa. Khi, như trong hai trường hợp này, hành vi của quốc gia có ảnh hưởng lên hành vi của quốc gia khác, kết quả thường không cho phép một phép tổng đơn giản các thành phần. Để dự đoán tương lai toàn cầu trong những trường hợp này chúng ta phải nhìn vào sự tương tác luôn thay đổi giữa các chủ thể và môi trường của họ, mà bao gồm các chủ thể khác phản ứng lại hành vi của nhau.

Cách tiếp cận phân tích được nói qua ở đây khá hữu ích, không chỉ bởi vì nó xem xét sự tương tác của các yếu tố giải thích sâu xa và trực tiếp ở cấp độ phân tích cá nhân, quốc gia và hệ thống, mà còn bởi vì nó tránh việc sa vào các đất nước, cá nhân, hay sự kiện chuyển tiếp cụ thể mà ý nghĩa dài hạn của chúng rất có khả năng sẽ biến mất. Thay vào đó, chúng ta cố gắng xác định các hành vi thống nhất trong những hình mẫu chung vốn ảnh hưởng đáng kể đến điều kiện sống toàn cầu. Do đó, chúng ta khám phá được đặc điểm của chính trị thế giới từ một quan điểm đặt các sự kiện lịch sử và đương thời vào một bối cảnh lý thuyết lâu dài rộng lớn hơn, cung cấp các công cụ nhận thức cho phép chúng ta giải thích những diễn biến sau đó.

Bố cục của cuốn sách

Hành trình của chúng ta bắt đầu ở Chương 2 với việc điếm qua các truyền thống lý thuyết hiện thực, tự do và kiến tạo mà các học giả và nhà hoạch định chính sách thường sử dụng để lý giải chính trị thế giới. Tiếp đó chúng ta sẽ xem xét đến thuyết cấp tiến và thuyết nữ quyền vốn đưa ra những chỉ trích khá mạnh đối với các truyền thống chính thống kia. Sự so sánh của các lý thuyết khác biệt nhau này cung cấp nền tảng học thuật cho sự mô tả và giải thích các vấn đề và sự kiện được nói đến trong các chương còn lại.

Chương 3 bắt đầu phân tích các chủ thể, vấn đề, và sự tương tác của chúng với việc nghiên cứu kỹ lưỡng quy trình hoạch định chính sách đối ngoại bên trong các quốc gia dân tộc vốn vẫn là những chủ thể chủ chốt trong chính trị thế giới. Chương này cũng xem xét vai trò của lãnh đạo trong việc hoạch định chính sách đối ngoại, và cách thức các lực lượng trong và ngoài nước có thể kiểm chế ảnh hưởng của các lãnh đạo chính trị như thế nào.

Sau đó chúng ta sẽ chuyển sự chú ý của mình vào mỗi một loại chủ thể trong chính trị thế giới và sẽ xem xét đặc điểm và khả năng của những chủ thể

này tác động tới các lợi ích và ảnh hưởng của chúng trên thế giới ra sao. Cường quốc (các quốc gia giàu có với quân đội mạnh nhất) là trọng tâm trong Chương 4. Ở Chương 5, chúng ta chuyển sự chú ý sang các quốc gia yếu hơn, ít phát triển hơn về kinh tế, giải thích tại sao vận mệnh của nhóm nước này lại bị định hình bởi quan hệ của họ với các cường quốc. Sau đó, ở Chương 6, chúng ta xem xét hai nhóm chủ thể phi nhà nước, các tổ chức liên chính phủ (IGOs) và các tổ chức phi chính phủ (NGOs), và chúng minh xem chúng tương tác với các quốc gia - dân tộc và ngày càng thách thức cả các cường quốc ra sao.

Nhóm chương tiếp theo sẽ chuyển sự chú ý sang việc làm thế nào mà các ưu tiên, năng lực và tính toán chiến lược của các chủ thể chính trong chính trị thế giới ảnh hưởng đến các vấn đề an ninh và thịnh vượng trong tiến trình toàn cầu. Cuối cùng, ở các chương từ 11 đến 14, chúng ta sẽ khảo sát các vấn đề liên quan đến toàn cầu hóa, kinh tế chính trị quốc tế, nhân quyền, và môi trường.

Ở phần tổng kết, Chương 15, chúng ta sẽ điếm lại các xu hướng chủ đạo trong chính trị thế giới đã được nghiên cứu trong cuốn sách. Nó dẫn đến các lý thuyết và bằng chứng được nêu ở các chương trước, và thể hiện các quan điểm thay thế về tương lai toàn cầu bằng cách tập trung vào một vài câu hỏi thảo luận nóng hổi nhất có khả năng chi phối các cuộc thảo luận về chính trị trong thập kỉ tới.

Hiểu được thế giới ngày nay đòi hỏi sự sẵn sàng đối mặt với những gì phức tạp. Thách thức rất khó khăn nhưng kết quả thu được đảm bảo cho nỗ lực đáng được thực hiện. Khả năng của con người trong việc tạo ra một tương lai tốt đẹp hơn phụ thuộc vào khả năng của chúng ta trong việc nuôi dưỡng những ý tưởng phức tạp, và tự giải phóng bản thân mình khỏi sự kìm kẹp đôi khi quá chặt chẽ của những tư tưởng chính thống đang tồn tại, đồng thời phát triển một thái độ tìm tòi lành mạnh về những quan điểm đối nghịch về thực tiễn quốc tế. Với sự ghi nhận đầy hi vọng nhưng cũng nội quan này, chúng ta sẽ bắt đầu hành trình khám phá chính trị thế giới.

Tóm tắt chương

- Để hiểu về tương lai toàn cầu, chúng ta phải xem xét các cách mà hệ thống quốc tế đương đại đã thay đổi và cách mà những đặc điểm nền tảng chống chọi lại những thay đổi đó.
- Các xu hướng trong chính trị thế giới hiếm khi bộc lộ theo một hướng liên tục, tuyến tính. Hơn nữa, không có xu hướng nào xuất hiện đơn lẻ. Con

đường đến tương lai bị ảnh hưởng bởi nhiều biến số, một ít có tính hợp nhất và một số có tính phân rã.

- Mọi người đều có một dạng “hình mẫu tinh thần” nào đó về chính trị thế giới vốn đơn giản hóa hiện thực thông qua việc phóng đại một vài đặc điểm của quan hệ quốc tế và phớt lờ một số khác.
- Hình ảnh của tương lai thế giới sẽ được quyết định không chỉ bởi những thay đổi trong điều kiện khách quan của chính trị thế giới, mà còn bởi những ý nghĩa mà con người gán cho những điều kiện đó.
- Mặc dù phần lớn mọi người có xu hướng tìm kiếm những thông tin củng cố niềm tin của họ và quá coi trọng ấn tượng ban đầu cũng như những thông tin mà họ có thể dễ dàng gợi lại được, nhưng các sự kiện kịch tính có thể thay đổi hình mẫu tinh thần của một cá nhân về chính trị thế giới.
- Việc giải thích đầy đủ những tiếp nối và thay đổi trong chính trị quốc tế đòi hỏi phải xem xét rất nhiều yếu tố nguyên nhân đi kèm với các cấp độ phân tích cá nhân, quốc gia và hệ thống.
- Các yếu tố nguyên nhân có vai trò ở cấp độ phân tích cá nhân giải thích các sự kiện quốc tế bằng cách tập trung vào đặc tính cá nhân của con người; các yếu tố ở cấp độ quốc gia nhìn vào các đặc điểm bên trong của quốc gia; và các yếu tố ở cấp độ hệ thống tập trung vào cấu trúc và tiến trình của hệ thống thế giới như một tổng thể

Bài đọc gợi ý

Ferguson, Yale H., and Richard W. Mansbach. *Remapping Global Politics: History's Revenge and Future Shock*. New York: Columbia University Press, 2004.

Hughes, Barry B., and Evan E. Hillebrand. *Exploring and Shaping International Futures*. Boulder, CO: Paradigm Publishers, 2006.

Kegley, Charles W., Jr., and Gregory A. Raymond. *Exorcising the Ghost of Westphalia: Building World Order in the New Millennium*. Upper Saddle River, NJ: Prentice-Hall, 2002.

Kurki, Milja. *Causation in International Relations*. Cambridge: Cambridge University Press, 2008.

Tickner, Arlene B., and Ole Wæver. *Global Scholarship in International Relations*. London: Routledge, 2008.

Câu hỏi tư duy phê phán

Tại sao Mỹ lại xâm lược Iraq vào năm 2003? Khi vũ khí hủy diệt hàng loạt (WMD) không được tìm thấy sau khi Saddam Hussein bị lật đổ, tranh luận phổ biến nhất là cuộc chiến này "chủ yếu là vì dầu mỏ" (Greenspan 2007, 463). Đối mặt với nhu cầu về năng lượng ngày càng tăng và nguồn cung không đảm bảo, chính quyền Bush đã tìm cách tiếp cận với lượng dự trữ nhiên liệu khổng lồ của Iraq (Hart 2004, 98-99). Trong khi khá thu hút, sự giải thích một chiều này đã bỏ qua các nguyên nhân hợp lý khác về chiến tranh Iraq. Chiến tranh, theo phần lớn các học giả, có nhiều nguyên nhân có thể tìm thấy ở nhiều cấp độ phân tích khác nhau. Sau đây là danh sách chưa đầy đủ các nhân tố vốn có thể đã dẫn đến chiến tranh:

- Do chủ nghĩa đơn cực, không có cường quốc đối trọng nào ngăn chặn cuộc tấn công của Mỹ (Keegan 2005, 98).
- Cuộc tấn công khủng bố ngày 11/9 đã chuyển sự chú ý của chính quyền Bush sang vấn đề chủ nghĩa khủng bố được các quốc gia tài trợ (Allawi 2007, 80; Aldonsi 2006, 408; Nuechterlein 2005, 39).
- Sự thành công trong việc loại bỏ Taliban khỏi quyền lực ở Afghanistan đã củng cố niềm tin của chính quyền Bush, dẫn đến việc chính quyền này cho rằng sự thay đổi chế độ ở Iraq sẽ tương đối dễ dàng (F. Kaplan 2008, 39-40; Steinberg 2008, 156).
- Quá trình hoạch định chính sách trong chính quyền Bush bị lỗi, tin tình báo đã được "lựa chọn theo chủ ý", một lượng lớn các lựa chọn chính sách không được đếm xỉa đến, và sự chỉ trích đối với các xu hướng hành động mà chính quyền ưu tiên không được khuyến khích (McClelland 2008; Dobbins 2007, 64; Pillar 2006).
- Quốc hội không thể giám sát hiệu quả các hoạt động hành pháp (Ricks 2006, 4).
- Những người theo chủ nghĩa bảo thủ mới (ví dụ Paul Wolfowitz, John Bolton, Douglas Feith) là một nhóm gây áp lực lớn tiếng đòi hỏi trong nhiều năm rằng Saddam Hussein là một lãnh đạo xấu xa cần phải bị loại bỏ khỏi quyền lực trong Chiến tranh Vùng Vịnh 1991; nếu chế độ của ông ta được thay thế bằng một chính quyền dân chủ, họ dự đoán rằng dân chủ sẽ lan tỏa ra khắp khu vực (Galbraith 2006, 9; Stoessinger 2005, 279).
- Các thành viên có quyền lực và hiểu chiến trong chính quyền, như Phó Tổng thống Dick Cheney, tin vào tầm quan trọng của việc có các hành động quân sự mang tính phòng ngừa để chống lại các mối nguy hại nhận thấy được (Woodward 2004, 4).
- Tổng thống Bush là một nhà hoạch định chính sách cảm tính và mạo hiểm vốn xem thế giới là một cuộc đấu tranh về đạo đức giữa các lực lượng tốt và xấu, và không có sự thỏa hiệp nào giữa hai bên (Cashman và Robinson 2007, 336).

Bạn có thể phân biệt những nguyên nhân khả dĩ này theo các cấp độ phân tích và trục thời gian như thế nào? Yếu tố nào là ở các cấp độ cá nhân, quốc gia và hệ thống? Yếu tố nào là nguyên nhân sâu xa và trực tiếp dẫn đến chiến tranh? Các yếu tố cụ thể nhất định từ các cấp độ phân tích khác nhau đã tương tác với nhau theo thời gian trong một chuỗi nhân quả như thế nào để tăng khả năng dẫn đến Chiến tranh Iraq?

GIỚI THIỆU DỰ ÁN *NGHIENCUUQUOCTE.NET*

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đông đảo độc giả quan tâm.

Trang chủ dự án: <http://nghiencuuquocte.net/>

Thông tin thêm về Dự án: <http://nghiencuuquocte.net/about/>

Danh mục các bài đã xuất bản: <http://nghiencuuquocte.net/muc-luc/>

Theo dõi Dự án trên Facebook: <https://www.facebook.com/DAnghiencuuquocte>

Ý kiến đóng góp và mọi liên hệ xin gửi về: Lê Hồng Hiệp, nghiencuuquocte@gmail.com